

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI HÀNH VI THIẾU TRÁCH NHIỆM GÂY HẬU QUẢ NGHIÊM TRỌNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

PHẠM HỮU TÂM*

Ngày nhận bài: 02/10/2024

Ngày phản biện: 21/10/2024

Ngày đăng bài: 31/12/2024

Tóm tắt:

Hiện nay, trong hoạt động công chứng, đã có không ít công chứng viên bị khởi tố về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Qua việc phân tích và nghiên cứu một số bản án cụ thể, bài viết làm rõ sự thiếu nhất quán trong việc áp dụng pháp luật đối với tội danh này, dẫn đến những quyết định khác nhau trong các trường hợp tương tự trên thực tiễn. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm đảm bảo sự nhất quán trong xét xử, tránh tình trạng oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Đồng thời, bài viết cũng khuyến nghị cải thiện cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ công chứng nhằm giảm thiểu rủi ro cho công chứng viên và tránh vi phạm tội danh này.

Từ khóa:

Công chứng, công chứng viên, trách nhiệm hình sự, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng

1. Đặt vấn đề

Trong thực tiễn, đã có nhiều công chứng viên (sau đây gọi tắt là “CCV”) bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm

Abstract:

Nowadays, in notarial activities, many notaries have been prosecuted for the crime of “Negligence causing serious consequences” under Article 360 of the 2015 Penal Code, amended and supplemented in 2017. Through the analysis and study of specific cases, the article clarifies the inconsistencies in the application of the law concerning this offense, leading to different decisions in similar cases. On this basis, the article provides several recommendations to ensure consistency in adjudication, avoiding wrongful convictions or the omissions of criminal offenses. Additionally, the article suggests improvements to the databases and technical infrastructure supporting notarial activities to minimize risks for notaries and prevent violations of this offense.

Keywords:

Notarization, notaries, criminal liability, negligence causing serious consequences

* ThS., Công ty Sài Gòn Ford; Email: tamph20609@sdh.uel.edu.vn

trọng”, đây là tội danh được quy định tại Điều 360, Chương XXIII các tội phạm về chức vụ của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là “BLHS”). Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, đã có sự khác nhau trong quá trình bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử cho cùng một hành vi vi phạm của CCV đối với tội danh này. Đặc biệt, việc hiểu như thế nào là CCV không hoàn thành nhiệm vụ được giao nhằm để truy cứu trách nhiệm hình (sau đây gọi tắt là “TNHS”) của CCV về tội này là yếu tố vô cùng quan trọng trong quá trình áp dụng pháp luật. Vì vậy, việc nghiên cứu các yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là cơ sở quan trọng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án nhằm tránh oan sai hay bỏ lọt tội phạm đối với CCV. Bởi lẽ, cấu thành tội phạm được cho là khuôn mẫu pháp lý để xác định tội phạm và TNHS¹.

2. Khái niệm, đặc điểm về trách nhiệm hình sự của công chứng viên

“Trách nhiệm hình sự” được hiểu là: “Trách nhiệm pháp lý của một người hoặc một pháp nhân thương mại thực hiện hành vi phạm tội phải chịu sự tác động của biện pháp cưỡng chế đặc biệt của Nhà nước do Bộ luật Hình sự quy định”². Tuy nhiên, để buộc một người phải chịu TNHS về tội phạm mà họ đã thực hiện, cần dựa vào cơ sở TNHS là hành vi phạm tội và tội phạm đó phải được quy định trong BLHS³. Bên cạnh đó, tại Điều 71 Luật Công chứng năm 2014 (sau đây gọi tắt là “LCC”) quy định: “Công chứng viên vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự...”. Có thể thấy, tùy vào mức độ vi phạm quy định LCC mà CCV có hành vi vi phạm phải chịu xử lý kỷ luật, trách nhiệm hành chính hay trách nhiệm hình sự tương ứng. Thông qua khái niệm về TNHS, cơ sở TNHS và quy định của LCC, chúng ta có thể rút ra khái niệm TNHS của CCV như sau: “TNHS của công chứng viên là một dạng trách nhiệm pháp lý của CCV do vi phạm quy định của LCC mà dẫn đến hành vi phạm tội và phải chịu sự tác động của biện pháp cưỡng chế đặc biệt của Nhà nước do BLHS sự quy định”. Đồng thời, có thể rút ra một số đặc điểm về TNHS của CCV như sau:

Thứ nhất, chủ thể phạm tội được xác định là CCV. Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, CCV là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định pháp luật như tiêu chuẩn về kiến thức (ví dụ như phải là cử nhân luật và tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng); tiêu chuẩn về kinh nghiệm công tác (ví dụ như phải có thời gian công tác

¹ Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên) (2023), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Hồng Đức, tr.90.

² Đinh Văn Quế, *Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015*, Nxb Thông tin và Truyền thông, năm 2023, tr.11.

³ Đinh Văn Quế, *tlđđ*, tr.13.

pháp luật từ 05 năm trở lên), kinh nghiệm hành nghề công chứng nói riêng (Điều 11 LCC năm 2014) và được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm để hành nghề công chứng⁴. Đồng thời, CCV là chủ thể cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch hoặc phòng ngừa tranh chấp⁵.

Thứ hai, CCV phải có hành vi phạm tội và tội phạm đó phải được quy định trong BLHS. Đồng thời, hành vi phạm tội là do CCV vi phạm các quy định tại LCC. Đặc trưng này được hình thành dựa trên sự “liên kết” giữa quy định tại Điều 71 LCC với BLHS. Theo đó, cơ sở của TNHS chỉ được đặt ra đối với người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự⁶. Đồng thời, việc CCV bị truy cứu TNHS xuất phát từ hành vi vi phạm quy định tại LCC.

Thứ ba, TNHS của CCV là dạng trách nhiệm nghiêm khắc nhất trong các loại trách nhiệm pháp lý mà CCV phải gánh chịu. Căn cứ theo Điều 71 LCC, tùy vào mức độ, tính chất mà CCV có thể gánh chịu các loại trách nhiệm pháp lý khác nhau: bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu TNHS, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Do vậy, khung pháp lý dùng làm căn cứ để xử lý CCV vi phạm được mở rộng bao gồm cả Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020, Bộ luật Dân sự năm 2015, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),... Tuy nhiên, trong các loại trách nhiệm pháp lý nêu trên, trách nhiệm pháp lý hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất⁷.

Thứ tư, TNHS của CCV là kết quả của việc áp dụng pháp luật hình sự, được xác định và thực hiện theo thủ tục, trình tự do pháp luật tổ tụng hình sự quy định. Đồng thời, TNHS của CCV là trách nhiệm đối với Nhà nước và được phản ánh trong bản án hoặc quyết định của hiệu lực của Tòa án. Đối với loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại, CCV vi phạm có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại cho chủ thể khác theo phán quyết có hiệu lực của Tòa án. Trong khi đó, TNHS là trách nhiệm trước Nhà nước chứ không phải là trách nhiệm trước cá nhân, tổ chức, cơ quan nào⁸.

⁴ Khoản 2 Điều 2 LCC.

⁵ Điều 3 Luật Công chứng năm 2014.

⁶ Khoản 1 Điều 2 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

⁷ Hoàng Minh (2022), “Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý có mối quan hệ thế nào?” Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, truy cập tại <https://lsvn.vn/vi-pham-phap-luat-va-trach-nhiem-phap-ly-co-moi-quan-he-the-nao1661972795.html>, ngày truy cập 14/9/2024.

⁸ Nguyễn Kim Chi (2016), “Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính”, Luận án Tiến sĩ luật học, Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.39.

3. Dấu hiệu pháp lý đặc trưng và chế tài áp dụng đối với tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của công chứng viên

3.1 Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng

Thứ nhất, dấu hiệu về hành vi khách quan

Đối với tội danh này, biểu hiện của hành vi vi thiếu trách nhiệm của CCV mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao chính là việc họ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định tại LCC mà chứng nhận các hợp đồng, giao dịch có sai sót dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng.

Nhiệm vụ chủ đạo của CCV được LCC ghi nhận tại Khoản 1 Điều 2, cụ thể CCV thực hiện việc: “Chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch), tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi là bản dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng”. Theo đó, tính xác thực được thể hiện thông qua việc CCV xác thực chính xác về thời gian, địa điểm diễn ra việc giao kết hợp đồng, giao dịch⁹; xác định đúng người yêu cầu công chứng và năng lực hành vi dân sự của người tham gia giao dịch phải được đảm bảo theo quy định của pháp luật¹⁰; xác định đúng nội dung, bản chất của hợp đồng, giao dịch giữa các bên. Trong khi đó, tính hợp pháp được hiểu là các hợp đồng, giao dịch được giao kết phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nội dung, mục đích của hợp đồng giao dịch không được trái pháp luật, trái đạo đức xã hội¹¹. Nhiệm vụ của CCV trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp của mình được cụ thể hoá bằng các quy định tại LCC. Do đó, hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ nêu trên của CCV được xem là hành vi thiếu trách nhiệm và cũng là hành vi vi phạm LCC. Điển hình là việc CCV xác định không đúng người yêu cầu công chứng vì bỏ qua việc kiểm tra, đối chiếu vân tay trên giấy tờ tùy thân hoặc không yêu cầu người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt CCV dẫn đến xác định sai người yêu cầu công chứng cũng là hành vi vi phạm quy định tại Điều 40, Điều 48 LCC. Ngoài ra, các CCV có quyền quản lý nhân sự, điều hành, quản lý hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng cũng phải tuân thủ các nghĩa vụ

⁹ Dương Anh (2022), “*Tìm hiểu một số vấn đề về hoạt động công chứng*”, Sở Tư pháp Tỉnh Quảng Bình, truy cập tại <https://stp.quangbinh.gov.vn/hu/chi-tiet-tin/-/view-article/1/14057348505837/1584526250168>, ngày truy cập 16/5/2024.

¹⁰ Nguyễn Xuân Thu & Phạm Thị Thúy Hồng (2016), *Giáo trình kỹ năng hành nghề công chứng Tập 1*, Học viện tư pháp, Nxb Tư Pháp, tr.13.

¹¹ Nguyễn Xuân Thu & Phạm Thị Thúy Hồng (2016), *tlđđ*, Tr.13.

của tổ chức hành nghề công chứng. Thực tiễn đã có trường hợp của một Trưởng Văn phòng Công chứng tại Bình Dương đã bị khởi tố về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” do thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, giám sát các hoạt động công chứng tại Văn phòng Công chứng của mình, từ đó, tạo điều kiện để bị can và một số đối tượng khác thực hiện việc công chứng các văn bản, hợp đồng rồi chiếm đoạt tài sản của các bị hại¹². Đồng thời, cũng cần lưu ý rằng, khi xét yếu tố TNHS đối với CCV liên quan đến hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, thì căn cứ cho rằng CCV không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ chỉ được giới hạn trong các quy định của LCC mà không nằm ở các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thứ hai, dấu hiệu hậu quả

Thông thường, hậu quả của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” do CCV gây ra sẽ được xác định dựa trên thiệt hại về tài sản của bị người hại. Bởi lẽ, việc công chứng hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở, bất động sản và tài sản quan trọng khác chiếm tỷ lệ từ 70 - 80% số việc công chứng và giá trị phí, thù lao công chứng¹³. Đồng thời, hậu quả nghiêm trọng của tội phạm này xuất phát từ việc các đối tượng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã lợi dụng chính các văn bản, hợp đồng đã được CCV chứng nhận để lừa đảo người bị hại.

Thứ ba, dấu hiệu lỗi

Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng được thực hiện với lỗi vô ý hay nói cách khác là chủ thể phạm tội không mong muốn thực hiện hành vi và cũng không mong muốn có thiệt hại xảy ra¹⁴. CCV vi phạm tội này thường liên quan đến hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ, chức trách của mình dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Đây là một dạng vi phạm pháp luật nhưng không có ý định gây ra hậu quả xấu, mà do sự lơ đãng, thiếu cẩn trọng hoặc không nhận thức được hậu quả. Nếu CCV thực hiện hành vi với lỗi cố ý (bao gồm cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp) thì không còn được xem là “thiếu trách nhiệm” theo đúng nghĩa nữa. Thay vào đó, hành vi

¹² Nguyễn Thảo (2023), “Trưởng văn phòng công chứng Nguyễn Thị Gái bị khởi tố, cấm đi khỏi nơi cư trú”, Báo Người lao động điện tử, truy cập tại <https://nld.com.vn/dong-nam-bo/truong-van-phong-cong-chung-nguyen-thi-gai-bi-khoi-to-cam-di-khoi-noi-cu-tru-2023102407442544.htm>, ngày truy cập 15/5/2024.

¹³ Lê Xuân Hồng (2022), “Thực trạng thi hành Luật Công chứng năm 2014 và đề xuất sửa đổi, bổ sung”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/thuc-trang-thi-hanh-luat-cong-chung-nam-2014-va-de-xuat-sua-doi-bo-sung>, ngày truy cập 15/5/2024.

¹⁴ Lê Tiến Sinh (2022), “Hạn chế, bất cập của Điều 360 BLHS năm 2015 trong thực tiễn áp dụng và kiến nghị sửa đổi”, Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/han-che-bat-cap-cua-dieu-360-blhs-nam-2015-trong-thuc-tien-ap-dung-va-kien-nghi-sua-doi6323.html>, ngày truy cập 22/5/2024.

này có thể cấu thành một tội phạm khác, tùy thuộc vào hậu quả gây ra và mức độ nghiêm trọng của hành vi.

3.2. Chế tài hình phạt và biện pháp tư pháp

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước cho dù đó là phạt cảnh cáo hay phạt tiền¹⁵. Theo quy định tại BLHS, hình phạt được phân loại thành hình phạt chính (bao gồm các hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn,...) và hình phạt bổ sung đối với người phạm tội (cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định,...)¹⁶. Tuy nhiên, đối với tội “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” CCV chỉ có thể gánh chịu các chế tài như cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn tùy vào từng mức độ vi phạm, thời hạn tù đối đa mà CCV vi phạm có thể đối mặt là 12 năm tù. Bên cạnh đó, CCV còn phải chịu hình phạt bổ sung là bị cấm hành nghề trong thời gian từ 01 đến 05 năm. Việc cấm hành nghề công chứng viên trong một thời gian nhất định xuất phát từ quy định tại Khoản 5 Điều 360 BLHS và căn cứ hành vi vi phạm có liên đến nghề nghiệp của CCV. Điển hình là việc một CCV ở tỉnh Thái Nguyên đã bị tuyên phạt mức án 3 năm 6 tháng tù vì tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, đồng thời bị cấm hành nghề công chứng trong vòng 01 năm sau khi hết hạn tù¹⁷.

Bên cạnh hình phạt, biện pháp tư pháp là biện pháp cưỡng chế được áp dụng đối với người phạm tội hoặc người có hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi mất năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại phạm tội, nhằm mục đích hỗ trợ hoặc thay thế cho hình phạt¹⁸, bao gồm: tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi,...Tuy nhiên, trong các vụ án về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” của CCV, các bị hại chủ yếu thiệt hại về mặt tài sản nên biện pháp thường được sử dụng là bồi thường thiệt hại. Trong một vụ án tại tỉnh Hậu Giang, xét về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã buộc bị cáo Đặng Văn Dư và Văn phòng công chứng Mạc Hồng Vân liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 969 triệu đồng¹⁹. Đồng thời, pháp luật Việt Nam

¹⁵ Đinh Văn Quế (2023), *Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015*, Nxb Thông tin và Truyền thông, tr.164.

¹⁶ Điều 32 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

¹⁷ Linh Lan (2024), “*Xét xử trường văn phòng công chứng gây hậu quả nghiêm trọng*”, Báo Thái Nguyên điện tử, truy cập tại <https://baothainguyen.vn/phap-luat/202404/xet-xu-truong-van-phong-cong-chung-gay-hau-qua-nghiem-trong-8b0210a/>, ngày truy cập 14/5/2024.

¹⁸ Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2021), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần chung (In lần thứ 27)*, Nxb Công an Nhân dân, tr.309 – 312.

¹⁹ Phan Thương (2023), “*Công chứng viên lãnh án, văn phòng công chứng bồi thường vì thiếu trách nhiệm*”, truy cập tại <https://thanhnien.vn/cong-chung-vien-lanh-an-van-phong-cong-chung-boi-thuong-vi-thieu-trach-nhiem-185230423101612787.htm>, ngày truy cập 17/9/2024.

cũng đặt ra trách nhiệm cho CCV vi phạm phải hoàn trả lại một khoản tiền cho tổ chức hành nghề công chứng đã chi trả khoản tiền bồi thường cho người bị thiệt hại²⁰. Tuy nhiên, về nguyên tắc thì ai chiếm đoạt thì người đó phải bồi thường. Trong quá trình tiến hành tố tụng nếu chứng minh được CCV không đồng phạm với bị cáo và Văn phòng công chứng, trong khi thực hiện công chứng theo quy định, không thể biết được thủ đoạn gian dối của bị cáo để chiếm đoạt tiền của bị hại hoặc CCV không sử dụng số tiền bị cáo chiếm đoạt, thì CCV không phạm tội. Do đó, không thể buộc trách nhiệm liên đới của Văn phòng công chứng trong việc bồi thường cho bị hại, mà chỉ có bị cáo phải bồi thường (hoàn trả) số tiền đã chiếm đoạt²¹.

4. Thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” đối với công chứng viên thông qua bản án hình sự

4.1. Giới thiệu tình huống thực tiễn và bản án

Vụ án số 1²²: Ngày 09/01/2018, bà Đặng Thị T3 ký hợp đồng đặt cọc bán thửa đất thuộc quận G tại Văn phòng công chứng C1, cho ba người hùn vốn mua gồm ông D1; bà H4 và bà Y1 với giá 12 tỷ đồng. Sau đó, tất cả giao giấy tờ đất bản chính cho Trịnh Trường G thực hiện hợp đồng dịch vụ. Tuy nhiên, G không thực hiện mà móc nối với Trần Thanh H làm giả Hợp đồng ủy quyền bà Đặng Thị T3 ủy quyền cho Trần Thanh H và bán thửa đất trên với giá 18,5 tỷ đồng cho Ông D. Ngày 03/10/2018, bà Trần Thị Thu T (vợ ông D) ký hợp đồng mua bán thửa đất trên bằng giấy tay với Trần Thanh H, G là người ký chứng kiến trong hợp đồng. Nội dung Hợp đồng thể hiện “bên bán hủy bỏ hợp đồng mua bán giữa H và bà T3... H có trách nhiệm lập giấy ủy quyền toàn phần đối với thửa đất trên từ bà T3 qua tên bà T”. Sau đó, G nhờ Ngụy Cao K1 là nhân viên Văn phòng C1 soạn thảo nội dung hợp đồng ủy quyền rồi cùng G đưa cho ông D ký bên được ủy quyền. G nói với ông D do bà T3 yêu cầu ký hợp đồng bên ngoài trụ sở công chứng, do tin tưởng nên ông D ký tên, lăn tay trước vào hợp đồng. Khoảng 10 ngày sau, G đem hợp đồng ủy quyền có chữ ký chứng thực của ông Nguyễn Duy T5 là CCV Văn phòng C1; và chữ ký, dấu vân tay của bên ủy quyền là bà Đặng Thị T3 (chữ ký, vân tay của bà T3 sau này được cơ quan chức năng xác định là giả), đưa cho ông D. Sau đó, ông D thanh toán phần tiền còn lại, tổng cộng là 18 tỷ đồng. Bản kết luận giám định xác

²⁰ Khoản 2 Điều 38 Luật Công chứng.

²¹ Song Mai (2023), “*Hướng dẫn xét xử vụ án lừa đảo do công chứng giấy tờ giả*”, Trang thông tin điện tử Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, truy cập tại <https://plo.vn/huong-dan-xet-xu-vu-an-lua-dao-do-cong-chung-giay-to-gia-post730306.html>, ngày truy cập 17/9/2024.

²² Theo Bản án số: 472/2023/HS-PT ngày 21/7/2023 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Trang thông tin điện tử Công bố bản án, truy cập tại <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1379475t1cvn/chi-tiet-ban-an>, ngày truy cập 13/5/2024.

định: Bản photocopy “Giấy chứng minh nhân dân” của bà Đặng Thị T3 tại Văn phòng C1 không phải là tài liệu được sao chụp từ bản gốc. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát cho rằng CCV T5 và nhân viên Văn phòng Công chứng K1 có dấu hiệu phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”²³. Tuy vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2023/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt G 18 năm tù; H 7 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối với CCV T5 và nhân viên Văn phòng Công chứng K1 không có căn cứ xem xét xử lý.

Tòa án cấp phúc thẩm đã lập luận: Tại Bản Kết luận điều tra bổ sung đã xác định: “...không có thêm tài liệu chứng cứ nào khác để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Cao K1, Nguyễn Duy T5”. Do kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi nội dung vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã “giữ nguyên Cáo trạng số 239/CT-VKS-P2 ngày 16/5/2022...”. Cũng vì lẽ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ kiến nghị Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh có biện pháp xử lý trách nhiệm theo các quy định của pháp luật đối với Văn phòng C1 là phù hợp. Riêng việc xác định hành vi sai phạm của ông Nguyễn Cao K1, Nguyễn Duy T5, được Tòa kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra, làm rõ, nếu có dấu hiệu tội phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Vụ án số 2²⁴: Theo cáo trạng: Đặng Thị Huyền Đức và chồng là Nguyễn Văn Niêm mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị Mây. Sau đó thuê người làm giả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có một giấy mang tên Đức thế chấp cho anh Trần Văn T, chiếm đoạt số tiền 200 triệu đồng. Sau đó, hai vợ chồng Đức tiếp tục mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Ngọc Xích rồi đến Văn phòng Công chứng Dương Cúc - Thái Nguyên, làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Xích sang tên Nguyễn Văn Niêm; làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất của bà Mây sang tên Đặng Thị Huyền Đức, rồi đem thế chấp ngân hàng chiếm đoạt số tiền 1,8 tỷ đồng. Quá trình thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên, CCV Dương Thị Kim Cúc không yêu cầu các bên công chứng ký trước mặt CCV mà để việc nhân viên tập sự ở Văn phòng công chứng và hai vợ chồng Đặng Thị Huyền Đức giả chữ ký của chủ đất trên các hợp đồng. Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Dương Thị Kim Cúc nhận mức án

²³ Hải Duyên (2023), “Hai công chứng viên “thoát” trách nhiệm trong vụ lừa bán đất”, Báo điện tử Vnexpress, truy cập tại <https://vnexpress.net/hai-cong-chung-vien-thoat-trach-nhiem-trong-vu-lua-ban-dat-4632312.html>, ngày truy cập 14/5/2024.

²⁴ Linh Lan (2024), “Xét xử trưởng văn phòng công chứng gây hậu quả nghiêm trọng”, Báo Thái Nguyên điện tử, truy cập tại <https://baothainguyen.vn/phap-luat/202404/xet-xu-truong-van-phong-cong-chung-gay-hau-qua-nghiem-trong-8b0210a/>, ngày truy cập 14/5/2024.

3 năm 6 tháng tù vì tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, đồng thời cấm hành nghề công chứng 01 năm sau khi hết thời hạn tù.

Từ hai vụ án trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng các CCV có cùng hành vi vi phạm đó là, hành vi không yêu cầu các bên công chứng ký tên, điểm chỉ trước mặt CCV, nhưng việc truy cứu TNHS về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” của CCV trong hai vụ án lại khác nhau.

4.2. Bình luận bản án

4.2.1. Các dấu hiệu về chủ thể của tội phạm

Trong hai vụ án nêu trên, chủ thể phạm tội được xác định là CCV, được bổ nhiệm hợp pháp và đang trong quá trình thực hiện chức năng nghề nghiệp của mình đối với việc công chứng hợp đồng, giao dịch. Đây vừa là dấu hiệu về mặt chủ thể của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” vừa là đặc trưng cơ bản của TNHS đối với CCV.

4.2.2. Các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội phạm

Thứ nhất, hành vi khách quan

Thông qua hai vụ án trên, có thể nhận thấy các CCV này có sai phạm trong quá trình soạn và công chứng hợp đồng, giao dịch, cụ thể là không kiểm tra trực tiếp giấy tờ tùy thân, không cho các bên ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng trước mặt của CCV. Về vấn đề này, Khoản 1 Điều 48 LCC quy định người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt CCV, chỉ loại trừ trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác đã đăng ký chữ ký mẫu tại tổ chức hành nghề công chứng.

Trong khoa học pháp lý, nghĩa vụ pháp lý của con người trong pháp luật là cách xử sự (việc, công việc, hành vi) do pháp luật quy định mà con người buộc phải thực hiện, tức phải làm hoặc không được làm, nhằm đem lại trật tự cho xã hội²⁵. Quy định tại Khoản 1 Điều 48 LCC dùng từ “phải” nhằm muốn nhấn mạnh rằng, đây chính là nghĩa vụ pháp lý của CCV, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch buộc phải thực hiện. Tuy nhiên, các CCV trong hai vụ án nêu trên đã vi phạm quy định tại LCC và đã dẫn đến hậu quả gây thiệt hại nghiêm trọng cho các bên tham gia giao dịch công chứng. *Hay nói cách khác, các CCV trong hai vụ án trên vì thiếu trách nhiệm đã không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao đã đến hậu quả gây thiệt hại nghiêm trọng. Dấu hiệu này phù hợp về mặt lý luận về đặc điểm TNHS của CCV, tức là việc*

²⁵ Vương Tấn Việt (2021), “Nghĩa vụ pháp lý của con người trong pháp luật và cơ chế thực thi”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/nghia-vu-phap-ly-cua-con-nguoi-trong-phap-luat-va-co-che-thuc-thi>, ngày truy cập 14/5/2024.

CCV bị truy cứu TNHS xuất phát từ hành vi vi phạm quy định tại LCC, và có hành vi phạm tội được quy định trong BLHS. Vì vậy, việc tòa án kết luận CCV trong vụ án thứ 2 đã chịu TNHS về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là hoàn toàn phù hợp với cấu thành tội phạm tại Điều 360 BLHS. Trong khi đó, ở vụ án thứ 1 việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định “...không có thêm tài liệu chứng cứ nào khác để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Ngụy Cao K1, Nguyễn Duy T5” dẫn đến Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thay đổi cáo trạng và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã không thể buộc Ngụy Cao K1, Nguyễn Duy T5 chịu TNHS. Trong vụ án thứ 1, mặt dù đã trải qua hai cấp xét xử nhưng trách nhiệm hình sự của CCV vẫn chưa được làm rõ, kết quả này là chưa phù hợp với quy định của BLHS, không đảm bảo tính công bằng giữa các chủ thể phạm tội.

Thứ hai, dấu hiệu hậu quả của tội phạm

Trong vụ án số 1, đối tượng Trịnh Trường G đã dùng hợp đồng ủy quyền có chữ ký chứng thực của ông Nguyễn Duy T5 để tạo lòng tin lừa đảo số tiền rất lớn của bị hại. Tương tự, trong vụ án số 2, đối tượng Đức và Niêm đã dùng hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho tài sản để làm thủ tục sang tên và chiếm đoạt tiền của bị hại. Có thể thấy, các đối tượng phạm tội trong hai vụ án nêu trên đã trực tiếp lợi dụng văn bản do CCV chứng nhận để thực hiện hành vi phạm tội. Hậu quả gây thiệt hại về mặt tài sản rất lớn và thỏa mãn quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 360 BLHS ở khung phạt tù từ 07 năm đến 12 năm cho hành vi “Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên”.

4.2.3. Dấu hiệu về mặt chủ quan của tội phạm

Ở vụ án số 1, trong khi trả lời Hội đồng xét xử đại diện theo ủy quyền của CCV T5 và nhân viên Văn phòng Công chứng K1 thừa nhận vì tin tưởng mà có sai phạm trong quá trình soạn và ký chứng thực hợp đồng ủy quyền cho G khi không có mặt của các bên²⁶. Cho thấy, với kiến thức, kinh nghiệm làm nghề của mình, mặt dù các bị cáo có thể thấy hành vi của mình có thể gây hậu quả nhưng vì quá tin tưởng mà cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy.

Qua phân tích hai bản báo cáo nêu trên, hành vi của các CCV trong hai vụ án nêu trên đã đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tuy nhiên, việc kết luận khác nhau của Cơ quan Cảnh sát điều tra và Hội đồng xét xử ở hai vụ án sẽ dẫn đến hai trường hợp. Trường hợp thứ nhất, CCV trong vụ án thứ 2 bị oan sai và trường hợp thứ hai là các cơ quan tiến hành tố tụng đã bỏ lọt tội

²⁶ Hải Duyên (2023), “Hai công chứng viên “thoát” trách nhiệm trong vụ lừa bán đất”, Báo điện tử Vnexpress, truy cập tại <https://vnexpress.net/hai-cong-chung-vien-thoat-trach-nhiem-trong-vu-lua-ban-dat-4632312.html>, ngày truy cập 14/5/2024.

phạm trong vụ án thứ 1 mặc dù đã qua hai cấp xét xử. Qua đó, thể hiện sự không thống nhất trong việc áp dụng lý thuyết TNHS đối với CCV vào thực tiễn, mặc dù Điều 71 LCC đã có quy định về TNHS của CCV. Điều này có thể xuất phát từ quy định hiện hành về trách nhiệm của CCV trong LCC chưa đủ chi tiết và rõ ràng, dẫn đến việc áp dụng pháp luật không nhất quán trong từng vụ án cụ thể. Song song đó, các cơ quan tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án) có thể có những cách hiểu và áp dụng luật khác nhau, dẫn đến sự không nhất quán trong việc xử lý các CCV vi phạm.

Để làm rõ việc xác định TNHS của CCV về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, cần xem xét liệu CCV có bị truy cứu TNHS trong mọi trường hợp khi các đối tượng lợi dụng hợp đồng, giao dịch do CCV chứng nhận để lừa đảo và gây thiệt hại lớn cho bị hại hay không. Nói cách khác, cần xác định liệu CCV có bị coi là thiếu trách nhiệm khi công chứng các hợp đồng, giao dịch không đảm bảo tính hợp pháp và xác thực hay không. Theo Bản án số: 55/2023/HS-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023 Tòa án Nhân dân Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh, về việc xét kháng cáo để làm rõ trách nhiệm của CCV liên quan đến hành vi công chứng hợp đồng chuyển nhượng, dẫn đến các bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại, Hội đồng xét xử nhận định “...Do nhóm bị cáo sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả có dán ảnh của bị cáo Kh và Châu Tấn Th nên công chứng viên không phát hiện ra được việc bị cáo Kh đóng giả bà H, Châu Tấn Th đóng giả ông Th1 để ký hợp đồng chuyển nhượng. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với công chứng viên Nguyễn Thị Bé Ph. Bản án sơ thẩm cũng đã kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả thiệt hại của công chứng viên Nguyễn Thị Bé Ph; nếu có căn cứ thì xử lý sau”²⁷. Có thể thấy, Hội đồng xét xử viện dẫn việc hành vi công chứng hợp đồng chuyển nhượng là do nhóm bị cáo sử dụng thủ đoạn gian dối, cung cấp giấy tờ giả của người yêu cầu công chứng nhằm qua mặt CCV là một trong những căn cứ để không chấp nhận kháng nghị.

So sánh với vụ án thứ 1 và thứ 2, CCV trong vụ án này không có sai phạm trong việc kiểm tra trực tiếp giấy tờ tùy thân. Nguyên nhân mà CCV không đảm bảo được tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch là do thủ đoạn gian dối một cách tinh vi nhằm qua mặt CCV để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm cũng đã kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả thiệt

²⁷ Theo Bản án số: 55/2023/HS-PT ngày 10-02-2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Trang thông tin điện tử Công bố bản án, truy cập tại <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1124276t1cvn/chi-tiet-ban-an>, ngày truy cập 15/5/2024.

hại của CCV Nguyễn Thị Bé Ph. Việc này phần nào gây quan ngại cho CCV Nguyễn Thị Bé Ph nói riêng và các CCV khác trong quá trình hành nghề nói chung. Bởi lẽ, trong quá trình hoạt động nghề nghiệp, CCV phải đối diện với nhiều rủi ro, tác động tiêu cực đến việc chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự.

4.3. Một số rủi ro tác động đến quá trình hành nghề của công chứng viên

Thứ nhất, vấn nạn giả mạo giấy tờ và giả mạo người yêu cầu công chứng. Ngày nay, các đối tượng làm giả giấy tờ sử dụng các thiết bị máy móc, công nghệ hiện đại nên các sản phẩm giả này được tạo ra hết sức tinh vi, các dấu giáp lai, dấu nổi hay dấu chìm trên giấy tờ rất giống con dấu thật hoặc có các đối tượng mạo danh, giả dạng người khác để ký tên trên các hợp đồng, giao dịch dân sự. Trong khi đó, các tổ chức hành nghề công chứng còn thiếu các thiết bị, máy móc hiện đại hỗ trợ cho việc phát hiện giấy tờ giả mạo trong hoạt động công chứng²⁸. Đồng thời, quy định hiện hành vẫn chưa là cơ sở pháp lý mạnh mẽ để CCV thực hiện việc xác minh. Khoản 5 Điều 40 LCC đặt ra quy định, việc làm rõ hay đề nghị giám định chỉ đặt ra khi CCV có căn cứ mà không được quyền đương nhiên xác minh hay buộc CCV phải có nhiệm vụ xác minh, yêu cầu giám định tất cả các trường hợp đến công chứng.

Thứ hai, vấn đề tra cứu nguồn gốc tài sản tham gia giao dịch. Hiện nay, việc tra cứu nguồn gốc lịch sử tài sản của CCV còn gặp rất nhiều khó khăn. Điều này là do hoạt động áp dụng công nghệ thông tin cũng như chuyển đổi số trong hoạt động công chứng vẫn đang ở trong khai đoạn giai đoạn sơ khai, bước đầu. Theo thông tin từ Bộ Tư pháp, tính đến tháng 06/2021, có 50/63 địa phương đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về công chứng. Tuy nhiên, các cơ sở dữ liệu này đang trong trạng thái chưa đầy đủ, riêng lẻ, thiếu tính liên kết với nhau cũng như không có tính liên kết với các cơ sở dữ liệu hỗ trợ cho hoạt động công chứng. Về phần mềm công nghệ, Bộ Tư pháp đã đưa vào vận hành phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng từ tháng 05/2020. Điều đó cho thấy, điều kiện về cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cho hoạt động công chứng là chưa đáp ứng yêu cầu²⁹.

Chính vì vậy, khi xem xét truy cứu TNHS của CCV về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, cần xác định CCV đã thực hiện công chứng theo đúng quy định pháp luật hay chưa. Nếu sản phẩm công chứng không đảm bảo tính xác thực và hợp pháp

²⁸ Phạm Thị Yến (2022), “*Giấy tờ giả trong hoạt động công chứng – Nguyên nhân và một số giải pháp khắc phục*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/giay-to-gia-trong-hoat-dong-cong-chung-nguyen-nhan-va-mot-so-giai-phap-khac-phuc>, ngày truy cập 16/5/2024.

²⁹ Bộ Tư pháp (2022), “*Báo cáo tổng kết thi hành Luật Công chứng*”, Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp, truy cập tại <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=3389>, ngày truy cập 22/5/2024.

do sự gian dối, thủ đoạn tinh vi của các đối tượng, thì không cấu thành tội phạm theo Điều 360 BLHS.

5. Kiến nghị

Thứ nhất, về sự khác nhau trong kết luận tại vụ án số 1 và vụ án số 2 cho cùng một hành vi vi phạm của CCV, quy định tại Điều 71 LCC đã quy định về việc xử lý CCV khi họ “vi phạm quy định của Luật này”. Điều luật này cho thấy việc xác định hành vi vi phạm của CCV được mở rộng ra tất cả các quy định trong LCC, giúp việc vận dụng quy định trở nên mềm dẻo, linh hoạt cho từng tình huống cụ thể. Tuy nhiên, LCC không chỉ tập trung vào các quy định về nghĩa vụ, hành vi bị cấm mà CCV phải tuân thủ, mà còn bao gồm nhiều quy định liên quan đến việc bổ nhiệm, cơ cấu tổ chức hành nghề công chứng,... Trong khi đó, trên thực tiễn hầu hết sự vi phạm của CCV xuất phát từ việc vi phạm các nghĩa vụ, trách nhiệm, quy trình thủ tục công chứng như: vi phạm thẩm quyền công chứng, kiểm tra, đối chiếu giấy tờ, yêu cầu người công chứng ký trước mặt CCV,... Do đó, việc quy định như Điều 71 LCC vô hình chung làm cho các cơ quan thực thi pháp luật gặp không ít khó khăn trong việc xác định hành vi vi phạm của CCV, chưa thật sự bám sát vào các trường hợp mà CCV vi phạm trên thực tiễn, dẫn đến sự thiếu nhất quán trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan điều tra như hai vụ án nêu trên. Chính vì vậy, tác giả đề xuất cần có một văn bản hướng dẫn cụ thể từ các cơ quan có thẩm quyền, nhằm chi tiết hóa các quy định về trách nhiệm của CCV trong LCC, đảm bảo các hành vi vi phạm và mức độ, quy trình xử lý được quy định rõ ràng và cụ thể. Trong đó, mỗi loại vi phạm cần được mô tả chi tiết về hành vi và mức độ nghiêm trọng để cơ quan thực thi pháp luật áp dụng một cách công bằng và nhất quán, từ đó tránh được những bất cập và đảm bảo tính minh bạch trong xử lý vi phạm.

Thứ hai, vấn đề truy cứu TNHS về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” đối với CCV phải được thực hiện kỹ lưỡng xuyên suốt quá trình điều tra, khởi tố, xét xử và nắm rõ các dấu hiệu đặc trưng của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Bởi lẽ, việc áp dụng sai lầm, thiếu cơ sở, minh bạch có thể gây hoang mang cho những người hành nghề công chứng, dẫn đến tình trạng “ngại ký hồ sơ”, tìm cách từ chối, ảnh hưởng đến quá trình thực hiện nghề nghiệp của CCV. Do đó, cần có hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao theo hướng các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử không nên chỉ xem xét vào việc hợp đồng, giao dịch dân sự do CCV chứng nhận không hợp pháp, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng mà truy cứu TNHS về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” đối với họ. Thay vào đó, cần xem xét yếu tố CCV đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, các biện pháp nghiệp

vụ và đã nỗ lực, dùng hết khả năng của mình nhằm chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự nhưng vẫn không phát hiện được sự gian dối, giả tạo. Từ đó, có cơ sở khẳng định CCV đã “thực hiện đúng trách nhiệm được giao”, hành vi của họ trong trường hợp này không cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 360 BLHS.

6. Kết luận

Trên thực tiễn, vấn đề truy cứu TNHS về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” đối với CCV còn thiếu nhất quán trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm. Do đó, việc quy định rõ ràng, chi tiết hóa các quy định về trách nhiệm của CCV trong LCC sẽ giúp cơ quan thực thi pháp luật dễ dàng áp dụng và thống nhất. Đồng thời, trong bối cảnh hoạt động công chứng gặp nhiều rủi ro, việc xác định CCV đã thực hiện công chứng theo đúng quy định pháp luật hay chưa cần được xem là yếu tố quan trọng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử về tội danh này, tạo cơ sở để khẳng định CCV không cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 360 BLHS, giúp CCV an tâm hơn trong quá trình làm nghề của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
2. Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020.
4. Luật Công chứng năm 2014.
5. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2021), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm Quyển 2 (In lần thứ 22 có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Công an Nhân dân.
6. Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên) (2023), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần chung (Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Hồng Đức.
7. Nguyễn Xuân Thu & Phạm Thị Thúy Hồng (2016), *Giáo trình kỹ năng hành nghề công chứng Tập 1*, Học viện tư pháp, Nxb Tư Pháp.
8. Đinh Văn Quế (2023), *Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015*, Nxb Thông tin và Truyền thông.
9. Hoàng Mạnh Thắng (2022), “*Tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo pháp luật Việt Nam hiện nay*”, Luận án Tiến sĩ, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

10. Nguyễn Kim Chi (2016), “*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*”, Luận án Tiến sĩ luật học, Khoa Luật-Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Bộ Tư pháp (2022), “*Báo cáo tổng kết thi hành Luật Công chứng*”, Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp, truy cập tại <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=3389>, ngày truy cập 22/5/2024.

12. Lê Tiến Sinh (2022), “*Hạn chế, bắt cập của Điều 360 BLHS năm 2015 trong thực tiễn áp dụng và kiến nghị sửa đổi*”, Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/han-che-bat-cap-cua-dieu-360-blhs-nam-2015-trong-thuc-tien-ap-dung-va-kien-nghi-sua-doi6323.html>, ngày truy cập 22/5/2024.

13. Hoàng Minh (2022), “*Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý có mối quan hệ thế nào?*” Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, truy cập tại <https://lsvn.vn/vi-pham-phap-luat-va-trach-nhiem-phap-ly-co-moi-quan-he-the-nao1661972795.html>, ngày truy cập 14/9/2024

14. Vương Tấn Việt (2021), “*Nghĩa vụ pháp lý của con người trong pháp luật và cơ chế thực thi*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/nghia-vu-phap-ly-cua-con-nguoi-trong-phap-luat-va-co-che-thuc-thi>, ngày truy cập 14/5/2024.

15. Lê Xuân Hồng (2022), “*Thực trạng thi hành Luật Công chứng năm 2014 và đề xuất sửa đổi, bổ sung*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, truy cập tại: <https://danchuphapluat.vn/thuc-trang-thi-hanh-luat-cong-chung-nam-2014-va-de-xuat-sua-doi-bo-sung>, truy cập ngày 15/5/2024.

16. Linh Lan (2024), “*Xét xử trường vắng phòng công chứng gây hậu quả nghiêm trọng*”, Báo Thái Nguyên điện tử, truy cập tại: <https://baothainguyen.vn/phap-luat/202404/xet-xu-truong-van-phong-cong-chung-gay-hau-qua-nghiem-trong-8b0210a/>, truy cập ngày 14/5/2024.

17. Hải Duyên (2023), “*Hai công chứng viên “thoát” trách nhiệm trong vụ lừa bán đất*”, Báo điện tử Vnexpress, truy cập tại: <https://vnexpress.net/hai-cong-chung-vien-thoat-trach-nhiem-trong-vu-lua-ban-dat-4632312.html>, truy cập ngày 14/5/2024.

18. Nguyễn Thảo (2023), “*Trường vắng phòng công chứng Nguyễn Thị Gái bị khởi tố, cấm đi khỏi nơi cư trú*”, Báo Người lao động điện tử, truy cập tại: <https://nld.com.vn/dong-nam-bo/truong-van-phong-cong-chung-nguyen-thi-gai-bi-khoi-to-cam-di-khoi-noi-cu-tru-2023102407442544.htm>, truy cập ngày 15/5/2024.

19. Dương Anh (2022), “*Tìm hiểu một số vấn đề về hoạt động công chứng*”, Sở Tư pháp Tỉnh Quảng Bình, truy cập tại: <https://stp.quangbinh.gov.vn/hu/chi-tiet-tin-/view-article/1/14057348505837/1584526250168>, truy cập ngày 16/5/2024.

20. Phạm Thị Yên (2022), “*Giấy tờ giả trong hoạt động công chứng – Nguyên nhân và một số giải pháp khắc phục*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, truy cập tại: <https://danchuphapluat.vn/giay-to-gia-trong-hoat-dong-cong-chung-nguyen-nhan-va-mot-so-giai-phap-khac-phuc>, truy cập ngày 16/5/2024.

21. Song Mai (2023), “*Hướng dẫn xét xử vụ án lừa đảo do công chứng giấy tờ giả*”, Trang thông tin điện tử Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, truy cập tại: <https://plo.vn/huong-dan-xet-xu-vu-an-lua-dao-do-cong-chung-giay-to-gia-post730306.html>, truy cập ngày 17/9/2024.

22. Phan Thương (2023), “*Công chứng viên lãnh án, văn phòng công chứng bồi thường vì thiếu trách nhiệm*”, truy cập tại: <https://thanhnien.vn/cong-chung-vien-lanh-an-van-phong-cong-chung-boi-thuong-vi-thieu-trach-nhiem-185230423101612787.htm>, truy cập ngày 17/9/2024

23. Theo Bản án số: 472/2023/HS-PT ngày 21-7-2023 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Trang thông tin điện tử Công bố bản án, truy cập tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1379475t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 13/5/2024.

24. Theo Bản án số: 55/2023/HS-PT ngày 10-02-2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Trang thông tin điện tử Công bố bản án, truy cập tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1124276t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 15/5/2024.